

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 171/2024/DS-ST

Ngày: 28/8/2024

“V/v Tranh chấp về hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Minh Hiền và ông Nguyễn Văn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Jét - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09/8/2024 và ngày 28/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 535/2024/TLST-DS ngày 11/6/2024, về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2024/QĐXXST-DS ngày 12/7/2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1966;
Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1967;

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông D, bà H có mặt, ông T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại phiên tòa sơ thẩm ông D trình bày:

Ông T là anh vợ của ông, do thấy hoàn cảnh ông T gặp khó khăn con bị bệnh không có tiền điều trị nên vào ngày 10/02/2019 (Âm lịch), ông lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình để vay của Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh huyện C số tiền 100.000.000 đồng. Ngay ngày này khi vay được tiền ông đem về đưa tận tay cho ông T và bà H toàn bộ số tiền trên. Khi cho mượn thì hai bên không có làm giấy tờ gì, việc cho mượn cũng không có lãi gì, hàng tháng thì ông T và bà H đưa tiền cho ông để đi đóng lãi cho Ngân hàng. Sau đó, đến hạn trả nợ cho Ngân hàng thì ông T và bà H không đưa tiền cho ông trả vốn và lãi, ông phải bỏ tiền cá nhân của mình ra để trả vốn và lãi là 5.700.000 đồng cho Ngân hàng. Sau đó, ông T và bà H chỉ có trả cho ông được 1.000.000 đồng tiền lãi, còn lại đến nay thì chưa trả cho ông. Ông có thừa ra Tổ hòa giải ấp B, xã L để giải quyết, tại đây ông T thừa nhận có nợ ông số tiền 100.000.000 đồng và cam kết trả dần cho ông nhưng đến nay vẫn không thực hiện. Đối với số tiền cho mượn trên là tài sản của cá nhân ông, không phải là tài sản chung với ai.

Theo đơn khởi kiện ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T và bà H phải liên đới trả cho ông số tiền nợ mượn vốn là 100.000.000 đồng và số tiền lãi 4.700.000 đồng mà ông đã đóng thay cho ông T và bà H. Ông yêu cầu ông T và bà H tiếp tục đóng lãi cho Ngân hàng 850.000 đồng/tháng cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Nay, ông xin thay đổi yêu cầu ông chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T và bà H phải liên đới trả cho ông số tiền nợ vay vốn là 100.000.000 đồng và số tiền lãi 4.700.000 đồng mà ông đã đóng thay cho ông T và bà H. Ngoài ra, ông không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

** Theo ý kiến tại phiên tòa sơ thẩm bà H trình bày:*

Bà là vợ của ông T, còn ông T là anh ruột của vợ ông D. Bà thừa nhận vào năm 2019 (Không nhớ ngày) vợ chồng bà có mượn của ông D số tiền là 100.000.000 đồng, số tiền này ông D vay của Ngân hàng về cho vợ chồng bà mượn lại nên hàng tháng vợ chồng bà đưa cho ông D 750.000 đồng để đóng lãi. Sau đó, đến năm 2020 (Không nhớ ngày) thì bà đã trả cho ông D số tiền là 100.000.000 đồng nên vợ chồng bà không còn nợ gì ông D. Đối với số tiền nợ 100.000.000 đồng mà ông D khởi kiện trong vụ án này là khoản nợ của con bà tên K mượn của ông D.

Nay, bà không đồng ý trả theo yêu cầu của ông D, vì bà đã trả nợ xong và không còn nợ gì ông D. Đối với vụ án này bà không có yêu cầu gì. Ngoài ra, bà không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

* Đối với ông T mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, các phiên tòa sơ thẩm.

** Ý kiến và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười:*

- Về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án được thực hiện đúng và đầy đủ nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **D**, buộc ông **T** và bà **H** có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc 100.000.000 đồng, lãi 4.700.000 đồng, tổng cộng là 104.700.000 đồng.

* Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất: Không.

* Các tình tiết mà các bên đương sự không thống nhất: Toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông **D** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **T** và bà **H** phải liên đới trả cho ông **D** số tiền nợ vay vốn là 100.000.000 đồng và số tiền lãi 4.700.000 đồng mà ông **D** đã đóng thay cho ông **T** và bà **H**. Ngoài ra, các đương sự không ai có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn hiện nay đang cư trú tại **ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng:

- Theo quyết định hoãn phiên tòa thì Hội thẩm nhân dân là ông **Đào Văn H1** và ông **Lê Văn V**. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm do ông **H1** và ông **V** bận đi công việc đột xuất nên không thể tham gia phiên tòa thay thế bằng ông **Nguyễn Thanh M H2** và ông **Nguyễn Văn Á** là Hội thẩm nhân dân dự khuyết. Các đương sự có mặt thống nhất đồng ý việc thay đổi này và không có khiếu nại gì. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

- Đối với ông **T** vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông **T**.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Xét lời trình bày của ông **D** là có cơ sở và việc ông **D** có cho ông **T**, bà **H** vay tiền và đóng lãi thay là có thật, thể hiện qua “Biên bản hòa giải mượn tiền không trả ngày 12/3/2024 của Tổ hòa giải ấp 2, xã **L**”. Theo biên bản trên thì ông **T** thừa nhận còn nợ ông **D** số tiền vốn là 100.000.000 đồng, lãi là 5.700.000 đồng và bà **H** cũng thừa nhận việc này. Đồng thời, tại phiên tòa sơ thẩm ông **D** và bà **H** thống nhất trình bày thời hạn trả nợ là 01 năm kể từ ngày 10/02/2029 (Âm lịch). Đây là hợp đồng vay có thời hạn và đến nay hợp đồng vay đã quá hạn, phía ông **T** và bà **H** chưa trả nợ cho ông **D** là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự.

- Đối với ông **T** mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, các phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến đồng ý hay phản đối gì đối với lời trình bày và yêu cầu của ông **D**.

- Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của ông **D** là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với bà **H** trình bày thừa nhận có nợ của ông **D** số tiền vốn là 100.000.000 đồng và số tiền lãi là 5.700.000 đồng nhưng vào năm 2020 thì bà **H** đã trả xong cho ông **D** nên vợ chồng bà **H** không còn nợ gì ông **D** và cũng trong năm 2019 thì con của bà **H** là anh **K** cũng vay của ông **D** số tiền là 100.000.000 đồng đến nay chưa trả cho ông **D** nên ông **D** mới kiện vợ chồng bà **H** trả thay khoản nợ trên cho anh **K**. Xét lời trình bày của bà **H** là không có cơ sở, vì: Thứ nhất: Bà **H** không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình và việc này phía ông **D** cũng không thừa nhận; Thứ hai: Nếu trường hợp bà **H** đã trả xong nợ cho ông **D** thì sao tại “Biên bản hòa giải mượn tiền không trả ngày 12/3/2024 của Tổ hòa giải ấp 2, xã **L**” ông **T** lại thừa nhận còn nợ tiền của ông **D** như phân tích phần trên.

[6] Đối với đương sự còn lại không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[7] Tại các phiên tòa sơ thẩm, các đương sự có mặt xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì các đương sự có mặt không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác. Ngoài ra, cũng không còn yêu cầu gì khác.

[8] Về án phí:

- Ông **D** không phải chịu tiền án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Ông **T** và bà **H** phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 264, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D.

- Buộc ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông Nguyễn Văn D số tiền nợ vay vốn là 100.000.000 đồng và tiền lãi đã đóng thay là 4.700.000 đồng, tổng cộng là 104.700.000 đồng (Một trăm lẻ bốn triệu, bảy trăm nghìn đồng).

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí:

- Ông D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông D 2.617.500 đồng (Hai triệu, sáu trăm mười bảy nghìn, năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số 0010722, ngày 10/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông T và bà H phải liên đới chịu 5.235.000 đồng (Năm triệu, hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- CCTHADS Huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án: (Jet).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Minh Phương

